TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 02/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 10/01/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Hạnh.

2. Bà Trần Thị Hương Ly.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh TN: Bà Vũ Thị Năm, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị L, sinh năm 1983;
Trú tại: Xóm CH, xã LT, huyện VN, tỉnh TN.
(Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1982;
Trú tại: Xóm CH, xã LT, huyện VN, tỉnh TN.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Chu Thị L trình bày: Chị và anh Hoàng Văn C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xóm CH, xã LT, huyện VN, tỉnh TN kết hôn năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tràng Xá, huyện VN, tỉnh TN trên cơ sở tụ nguyện, không bị ai ép buộc, cấm cản; Về con chung: Có ba con chung là: Cháu Hoàng Chu P, sinh ngày 18/11/2013;

Cháu Hoàng Chu N1, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Hoàng Chu N2, sinh ngày 27/02/2017; Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Nay chị L thấy không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Chu Thị L xác định việc duy trì tình cảm vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Hoàng Văn C để giải phóng cho nhau, mỗi người tự tạo dựng cuộc sống riêng cho mình. Về con chung: Chị Chu Thị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ba cháu Cháu Hoàng Chu P, sinh ngày 18/11/2013; Cháu Hoàng Chu N1, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Hoàng Chu N2, sinh ngày 27/02/2017 và không yêu cầu anh Hoàng Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị L nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022, anh Hoàng Văn C trình bày: Anh kết hôn với chị Chu Thị L năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tràng Xá, huyện VN, tỉnh TN, trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhiều lý do khác nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh C và chị L có ba con chung là: Cháu Hoàng Chu P, sinh ngày 18/11/2013; Cháu Hoàng Chu N1, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Hoàng Chu N2, sinh ngày 27/02/2017; Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị L. Về con chung: Do do hiện nay Cháu Hoàng Chu P, sinh ngày 18/11/2013; Cháu Hoàng Chu N1, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Hoàng Chu N2, sinh ngày 27/02/2017 đang ở với chị L nên anh C đồng ý để chị L trực tiếp nuôi các con chung. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án đã tống đạt các giấy tờ cho anh Hoàng Văn C nhưng anh C không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như: Thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, lập hồ sơ và chấp hành về thời gian chuẩn bị xét xử; thời hạn

tiến hành phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 273, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH, Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Hoàng Văn C. Về con chung: Giao cháu Hoàng Chu P, sinh ngày 18/11/2013; Cháu Hoàng Chu N1, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Hoàng Chu N2, sinh ngày 27/02/2017 cho chị Chu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng giáp dục các cháu. Tạm hoãn hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hoàng Văn C do chị L chưa có yêu cầu; Về tài sản chung; khoản nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; Về án phí: Chị L phải nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh TN.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh C nhưng đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm CH, xã Tràng Xá, huyện VN, tỉnh TN kết hôn năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tràng Xá, huyện VN, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc; Về con chung: Có ba con chung là: Cháu Hoàng Chu P, sinh ngày 18/11/2013; Cháu Hoàng Chu N1, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Hoàng Chu N2, sinh ngày 27/02/2017; Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có..

Về nguyên nhân xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Nay chị L thấy không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Cháu Hoàng Chu P, sinh ngày 18/11/2013; Cháu Hoàng Chu N1, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Hoàng Chu N2, sinh ngày 27/02/2017. Hội đồng xét xử căn cứ đơn trình bày nguyện vọng của cháu Hoàng Chu Phương, sinh ngày

18/11/2013 và nguyện vọng nuôi các con chung của chị L nên giao cháu P, cháu N1 và cháu N2 cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục các cháu, đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hoàng Văn C do chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228,Điều 235, Điều 273, Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị L, cho chị L được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Chu P, sinh ngày 18/11/2013; Cháu Hoàng Chu N1, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Hoàng Chu N2, sinh ngày 27/02/2017 cho chị Chu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng giáp dục các cháu, đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C do chị L không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm vào N2 sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005013 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn

có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện VN;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Huyền